

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên
Bà Trần Thị Hồng Minh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông Hoàng Quốc Khánh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1997 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Tuấn D, sinh năm 1997 (vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2022 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Tuấn D ngày 19/3/2018 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh D ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 01 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh D chơi bời, cờ bạc, gái gú, lười lao động, không quan tâm đến gia đình, chị

đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con Phạm Thùy L, sinh ngày 26/02/2019, Phạm Bảo A, sinh ngày 10/4/2021, hiện cháu A đang ở cùng chị, cháu L đang ở cùng anh D và bố mẹ anh. Ly hôn chị xin nuôi cháu A để anh D nuôi cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện chị đi làm công nhân thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Tuấn D trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Người làm chứng ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết ông trình bày: Ông là bố đẻ anh Phạm Tuấn D. Năm 2018 anh D kết hôn với chị Lê Thị T, sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình ông. Quá trình anh D, chị T chung sống không thấy anh chị cãi nhau, đánh nhau bao giờ, còn anh chị có mâu thuẫn không, nguyên nhân như thế nào thì ông không nắm được. Đến tháng 12/2020 (âm lịch) lúc đó anh D đang đi làm tàu, chị T có nghi ngờ anh D có quan hệ với người khác nên xin phép gia đình ông về nhà bố mẹ đẻ chị T ăn tết, sau khi ăn tết chị T ở nhà bố mẹ đẻ luôn và không về gia đình ông nữa, từ đó đến nay hai bên gia đình cũng không có dàn xếp gì. Về con chung vợ chồng có 02 con Phạm Thùy L, sinh ngày 26/02/2019, Phạm Bảo A, sinh ngày 10/4/2021. Từ khi chị T bỏ về cháu L vẫn ở với gia đình ông còn cháu A đang ở cùng chị T. Về tài sản, công nợ, công sức ông không nắm được. Đối với anh Phạm Tuấn D con trai ông hiện nay đang đi làm ở Hải phòng còn địa chỉ cụ thể ông không nắm được. Những lần Tòa án triệu tập gia đình có nhận giấy và thông báo cho anh D biết, anh D có nắm được việc chị T xin ly hôn và việc anh được Tòa án triệu tập nhưng anh có nói do điều kiện công việc nên anh không về làm việc được, anh cũng đồng ý ly hôn và cứ để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết bà trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với trình bày của ông Phạm Văn T là chồng bà. Những nội dung ông T đã trình bày là hoàn toàn đúng sự thật.

Qua xác minh tại UBND xã S: Chị Lê Thị T và anh Phạm Tuấn D kết hôn ngày 19/3/2018. Cưới có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu địa phương không nắm được cụ thể chỉ biết theo dư luận địa phương anh D chơi bời, lười lao động. Về con chung vợ chồng có 02 con Phạm Thùy L, sinh ngày

26/02/2019, Phạm Bảo A, sinh ngày 10/4/2021. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức địa phương không biết anh chị có gì. Nay chị T xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện anh D đi làm vắng vẫn thường xuyên về địa phương còn việc anh D có đến Tòa làm việc không địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Tuấn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 10/4/2021. Anh D nuôi cháu Phạm Thùy L, sinh ngày 26/02/2019. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Tuấn D bị đơn, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị S được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Tuấn D là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, anh D chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã ly thân từ năm tháng 01/2021 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh D. Đối với anh Phạm Tuấn D Tòa án đã báo gọi nhiều lần gia đình anh đã

nhận giấy và gọi điện cho anh, sau đó anh về gia đình có giao giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên anh D có nói với bố mẹ anh do điều kiện công việc nên anh không đến tòa án làm việc được. Việc anh D biết mình được tòa án triệu tập để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc thể hiện anh D không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T xin ly hôn anh D là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con Phạm Thùy L, sinh ngày 26/02/2019, Phạm Bảo A, sinh ngày 10/4/2021. Ly hôn chị T xin nuôi cháu A, để anh D nuôi cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của chị T thấy rằng từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở cháu A vẫn ở với chị, cháu L ở cùng anh D và gia đình anh D. Để tránh sáo trộn và để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên nên giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Phạm Bảo A, anh D nuôi cháu Phạm Thùy L. Việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Tuấn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 10/4/2021 (cháu A đang ở cùng chị T). Anh D nuôi cháu Phạm Thùy L, sinh ngày 26/02/2019 (cháu L đang ở cùng anh D). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị T, anh D có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006142 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Sơn Đông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ